

Thứ hai, ngày 4 tháng 12 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index tăng mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tích cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/12/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** VN-Index tăng điểm mạnh mẽ trong ngày hôm nay, kết phiên tại mốc 1,120.49 điểm, tăng hơn 18 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Dịch vụ tài chính, Xây dựng và vật liệu. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên hai sàn HSX và HNX. Phiên bùng nổ hôm nay có sự ủng hộ của thanh khoản; trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục tiến lên ngưỡng kháng cự quanh 1,130 và trải qua giai đoạn rung lắc lại đây.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 4/12/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index +18.33 điểm, đóng cửa 1120.49 điểm. HNX-Index +5.05 điểm, đóng cửa 231.31 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: BID (+4), HPG (+3.62), GVR (+2.52), FPT (+2.1), CTG (+1.95).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-3.94), SSB (-0.88), VRE (-0.7), TCB (-0.65), VNM (-0.59).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 22270 tỷ đồng, tăng 82.12% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24229 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.34 điểm. Thị trường có 487 mã tăng, 56 mã tham chiếu, 59 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -582.72 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-103.73 tỷ), VND (-95.68 tỷ), SSI (-80.63 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -43.69 tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +1.89%. Các mã diễn biến tích cực: KBC (+4.12%), VGC (+3.99%), DCM (+3.75%)
- BSC50 +2.97%. Các mã diễn biến tích cực: BCG (+6.99%), GEX (+6.88%), PLC (+6.60%)

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dịch vụ tài chính	4.56%	Dầu khí	1.04%
Xây dựng và Vật liệu	4.16%	Truyền thông	0.80%
Bán lẻ	2.62%	Y tế	0.76%
Hóa chất	2.41%	Bảo hiểm	0.66%
Tài nguyên Cơ bản	2.24%	Thực phẩm và đồ	0.58%
Bất động sản	2.08%	Du lịch và Giải trí	0.54%
Ô tô và phụ tùng	1.90%	Hàng cá nhân & Gia	0.38%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.75%	VNMID	2.71%
Hàng & Dịch vụ Công	1.55%	VNSML	2.42%
Công nghệ Thông tin	1.22%	VN30	1.54%
Ngân hàng	1.22%		

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1120.49**  
 Giá trị: 22270.34 tỷ **18.33 (1.66%)**  
 Khối ngoại (ròng): -582.72 tỷ

**HNX-INDEX** **231.31**  
 Giá trị: 2751.4 tỷ **5.05 (2.23%)**  
 Khối ngoại (ròng): -43.69 tỷ

**UPCOM-INDEX** **85.97**  
 Giá trị: 733.34 tỷ **0.78 (0.92%)**  
 Khối ngoại (ròng): 14.17 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	82.8	-0.17%
Giá vàng	2,036	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	24,250	-0.16%
Tỷ giá EUR/VND	26,366	-0.32%
Tỷ giá JPY/VND	165.10	-0.52%
LS liên NH 1 tháng	1.00%	
LS TPCP 5 năm	1.96%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NKG	33.94	VHM	-103.73
DGC	22.69	VND	-95.68
BMP	13.22	SSI	-80.63
VIC	10.94	FUEVFVND	-70.37
VCG	10.42	DXG	-38.79

Nguồn: BSC Research

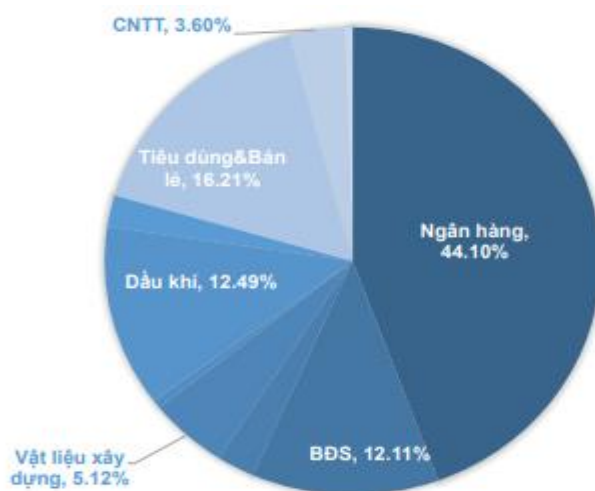
#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	86.0	1.2%	0.7	19,821	3.1	5,797	14.8	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	39.8	1.0%	1.0	9,356	1.2	4,025	9.9	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.5	1.0%	1.0	6,380	8.7	1,727	11.3	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	30.2	1.5%	1.2	4,387	5.9	5,059	6.0	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	18.0	1.4%	1.2	3,881	12.9	3,496	5.2	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	28.2	2.5%	0.9	2,192	22.8	3,600	7.8	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	20.6	2.2%	1.8	3,398	2.7	714	28.9	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	32.8	4.1%	1.5	1,040	18.5	4,368	7.5	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	50.1	2.2%	1.4	682	8.2	3,969	12.6	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	57.4	4.0%	1.7	1,061	2.8	2,651	21.7	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	27.5	2.2%	1.4	6,594	48.0	(328)	-83.8	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	41.3	1.0%	1.3	7,416	13.9	10,341	4.0	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	23.0	0.9%	1.3	2,155	4.4	1,588	14.5	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	32.6	3.3%	1.2	1,074	5.7	1,280	25.5	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	38.3	3.0%	1.2	608	6.1	1,582	24.2	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	97.5	2.5%	1.3	1,527	12.8	10,728	9.1	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	34.0	2.4%	0.9	549	4.4	6,403	5.3	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	33.2	3.8%	1.4	725	7.2	4,286	7.7	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	79.0	1.7%	0.7	7,482	2.6	5,567	14.2	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	35.5	0.9%	1.0	1,860	1.4	2,125	16.7	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	39.3	1.3%	1.1	775	11.6	1,953	20.1	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	28.8	1.6%	1.0	660	7.2	449	64.1	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.6	2.2%	0.9	1,115	2.7	602	19.2	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	68.8	0.6%	0.8	5,929	8.5	3,935	17.5	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	62.2	1.1%	1.5	3,670	3.3	916	67.9	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	40.0	3.1%	1.4	2,409	17.5	1,069	37.4	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	80.5	0.2%	0.7	1,089	2.9	5,503	14.6	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	68.8	1.9%	0.6	531	2.6	7,080	9.7	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	70.6	0.6%	0.9	891	3.4	7,470	9.5	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	93.6	1.3%	0.8	4,902	13.4	4,573	20.5	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.6	1.00%	1.0	5,879	8.4	3,664	7.2	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.3	1.6%	0.9	3,572	8.3	3,722	6.0	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.5	1.6%	0.7	2,207	5.2	2,765	6.7	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.3	0.0%	0.7	1,614	2.2	1,410	10.9	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.2	1.1%	1.2	2,003	6.5	3,534	5.4	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.7	6.3%	1.8	1,140	52.9	467	48.6	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.2	0.6%	1.1	1,562	7.9	2,697	6.4	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	33.6	5.0%	1.5	2,077	62.7	1,090	30.8	2.3	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.6	4.4%	1.9	232	8.9	318	55.5	7.1	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.3	4.2%	1.8	0	2.0	445	27.6	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	65.5	4.8%	1.3	268	7.1	681	96.1	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.5	5.8%	1.6	263	7.2	919	16.9	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.5	4.6%	1.6	98	5.8	482	25.9	1.0	3.1%	3.8%
BCM	KCN	59.2	1.7%	0.7	2,527	1.6	418	141.7	3.5	2.7%	1.7%
HUT	KCN	20.5	5.1%	1.6	754	9.1	56	362.8	5.0	2.0%	1.3%
PHR	KCN	48.2	1.8%	1.3	269	1.1	6,568	7.3	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	45.0	3.6%	1.8	222	3.6	1,405	32.0	3.3	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.2	2.3%	1.8	565	19.1	(2,105)	-10.6	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.7	3.7%	1.3	200	0.5	176	72.2	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	23.8	4.1%	1.9	259	14.2	(2,655)	-9.0	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.7	0.3%	0.5	159	0.9	5,309	10.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	26.5	4.7%	1.6	83	2.3	1,482	17.9	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	18.2	2.5%	2.0	1,460	24.2	(295)	-61.4	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	20.6	4.0%	2.2	520	18.1	(317)	-65.2	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	34.2	3.8%	1.8	190	5.6	2,190	15.6	2.5	2.0%	16.9%
DIG	BDS	26.6	5.8%	1.9	668	31.7	152	174.4	2.1	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.9	2.6%	1.6	144	1.2	1,597	8.7	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.3	1.6%	1.5	0	10.6	1,596	12.1	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.8	1.5%	0.7	358	5.8	2,993	9.0	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.3	6.6%	1.1	108	0.8	1,353	23.9	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.4	1.3%	0.9	115	0.5	1,980	11.8	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	58.0	1.2%	0.6	978	1.5	6,445	9.0	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	23.3	6.9%	2.0	818	38.9	384	60.6	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.3	1.7%	0.6	288	0.4	2,560	9.5	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.9	2.0%	1.4	352	1.6	2,739	10.2	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	28.0	3.9%	1.6	359	3.5	944	29.7	1.4	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.6	2.3%	0.6	191	0.4	636	21.3	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.2	7.0%	2.1	202	5.7	(79)	-116.8	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	64.7	-0.5%	0.7	3,422	1.5	3,518	18.4	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	46.8	1.1%	0.4	0	1.7	4,965	9.4	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	103.0	0.0%	0.7	579	2.0	(327)	-314.7	8.8	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	53.4	3.7%	1.6	368	4.9	2,984	17.9	4.0	23.6%	21.9%
DBC	F&B	25.6	2.2%	1.9	256	11.7	551	46.6	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	27.0	4.4%	1.5	119	1.6	837	32.3	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.9	1.4%	0.1	153	4.1	1,225	21.1	2.2	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	30.8	4.1%	1.5	169	2.8	2,162	14.2	1.6	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	28.5	2.9%	0.9	157	1.2	1,370	20.8	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	37.4	3.0%	1.5	162	5.3	5,742	6.5	1.3	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	90.9	0.2%	1.1	429	1.2	4,238	21.4	6.3	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.0	4.4%	1.2	89	1.9	2,353	8.1	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	<a href="#">Click</a>
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639